

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN AN BÌNH

Báo cáo tài chính riêng tóm tắt
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	91 - 92
Báo cáo kiểm toán độc lập về báo cáo tài chính riêng tóm tắt	93 - 94
Bảng cân đối kế toán riêng tóm tắt	95 - 97
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng tóm tắt	98
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng tóm tắt	99 - 100

THÔNG TIN CHUNG**NGÂN HÀNG**

Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình (“Ngân hàng”) là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động Ngân hàng số 120/GP-NHNN ngày 12 tháng 12 năm 2018 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”) cấp đổi từ Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 0031/NH-GP đã cấp ngày 15 tháng 4 năm 1993, theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0301412222 ngày 17 tháng 5 năm 1993 và các giấy phép điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh ban hành. Thời gian hoạt động của Ngân hàng là 99 năm kể từ ngày 15 tháng 4 năm 1993.

Ngân hàng được thành lập nhằm thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm:

- » Hoạt động trung gian tiền tệ bao gồm: huy động vốn như nhận gửi tiền không kỳ hạn, có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm, phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn trong nước và nước ngoài; vay vốn ngắn hạn của NHNN dưới hình thức tái cấp vốn; vay vốn của các tổ chức tín dụng và công ty tài chính; ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động của ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của NHNN;
- » Hoạt động cho vay ngắn hạn, trung và dài hạn, cho thuê tài chính, bảo lãnh ngân hàng;
- » Hoạt động dịch vụ tài chính khác: cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước, quốc tế và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép; các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế;
- » Hoạt động cấp tín dụng khác: phát hành thẻ tín dụng; chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác; góp vốn, mua cổ phần; và
- » Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính: tư vấn ngân hàng, tài chính; mua bán trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp; kinh doanh vàng; tham gia đấu thầu tín phiếu kho bạc; mua, bán công cụ chuyển nhượng, tín phiếu kho bạc, tín phiếu NHNN và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ.

Ngân hàng có trụ sở chính tại Tầng 1,2,3 Tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, Hà Nội. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, Ngân hàng có một (1) Hội sở, ba mươi lăm (35) chi nhánh, một trăm ba mươi (130) phòng giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Đào Mạnh Kháng	Chủ tịch	Ngày 25 tháng 4 năm 2018
Ông Vũ Văn Tiến	Phó Chủ tịch	Ngày 25 tháng 4 năm 2018
Ông Lưu Văn Sáu	Thành viên độc lập	Ngày 25 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Danh Lương	Thành viên độc lập	Ngày 25 tháng 4 năm 2018
Ông Soon Su Long	Thành viên	Ngày 25 tháng 4 năm 2018
Bà Iris Fang	Thành viên	Ngày 25 tháng 4 năm 2018
Ông Jason Lim Tsu Yang	Thành viên	Ngày 12 tháng 6 năm 2020

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)**BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Hạnh Tâm	Trưởng ban	Ngày 25 tháng 4 năm 2018
Bà Phạm Thị Hằng	Thành viên chuyên trách	Ngày 25 tháng 4 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Thanh Thái	Thành viên bán chuyên trách	Ngày 25 tháng 4 năm 2018

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Lê Hải	Tổng Giám đốc Quyển Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 9 năm 2020 Bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2020
Ông Phạm Duy Hiếu	Quyển Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2020
Ông Nguyễn Mạnh Quân	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2018
Ông Đỗ Lam Diên	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 9 tháng 8 năm 2020
Bà Phạm Thị Hiền	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 1 năm 2019
Bà Nguyễn Thị Hương	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 1 năm 2019
Ông Lại Tất Hà	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 10 năm 2019
Ông Lê Mạnh Hùng	Giám đốc khối Khách hàng Doanh nghiệp, thành viên Ban điều hành	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 1 năm 2019
Ông Trần Việt Thắng	Giám đốc Khối Công nghệ Ngân hàng, thành viên Ban điều hành	Tái bổ nhiệm ngày 3 tháng 3 năm 2021
Ông Nguyễn Hồng Quang	Giám đốc khối SME, thành viên Ban điều hành	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Thùy Dương	Giám đốc khối Quản trị nguồn Nhân lực	Miễn nhiệm ngày 2 tháng 12 năm 2020 Bổ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2020
Bà Nguyễn Diệp Anh	Giám đốc Ban Tài chính	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2020
Ông Bùi Quốc Việt	Kế toán Trưởng	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2020

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo này là ông Đào Mạnh Kháng, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Lê Hải - Tổng Giám đốc được uỷ quyền ký báo cáo tài chính riêng kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 theo Giấy Ủy quyền số 18/UQ-HĐQT.20 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị ngày 1 tháng 4 năm 2020.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Ngân hàng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TÓM TẮT

Số tham chiếu: 60752689/22075263-R-BCTT

KÍNH GỬI: CÁC CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN AN BÌNH

Báo cáo tài chính riêng tóm tắt kèm theo, được lập ngày 25 tháng 3 năm 2021 và được trình bày từ trang 95 đến trang 100, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tóm tắt tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng tóm tắt, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng tóm tắt cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được trích từ báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình ("Ngân hàng"). Chúng tôi đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính riêng này tại báo cáo kiểm toán lập ngày 29 tháng 3 năm 2021. Báo cáo tài chính riêng này và báo cáo tài chính riêng tóm tắt không phản ánh ảnh hưởng của các sự kiện phát sinh sau ngày lập báo cáo kiểm toán nói trên.

Báo cáo tài chính riêng tóm tắt không bao gồm tất cả các thuyết minh cần phải công bố theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Do đó, việc đọc báo cáo tài chính riêng tóm tắt không thể thay thế cho việc đọc báo cáo tài chính riêng của Ngân hàng.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng tóm tắt bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tóm tắt tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng tóm tắt và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng tóm tắt cho năm tài chính kết thúc cùng ngày cho mục đích công khai báo cáo tài chính theo quy định tại Khoản 11, Điều 1, Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 sửa đổi bổ sung một số điều khoản của chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 và hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng tóm tắt dựa trên các thủ tục mà chúng tôi đã thực hiện theo quy định và hướng dẫn của Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 810 - "Dịch vụ báo cáo về báo cáo tài chính tóm tắt".

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TÓM TẮT

Số tham chiếu: 60752689/22075263-R-BCTT

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng tóm tắt, được trích từ báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Ngân hàng đã được kiểm toán, đã phản ánh nhất quán, trên các khía cạnh trọng yếu, với báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán và phù hợp với các quy định tại Khoản 11, Điều 1, Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 sửa đổi bổ sung một số điều khoản của chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 và hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Nguyễn Phương Nga
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0763-2019-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2021

Vũ Tiến Dũng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3221-2020-004-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG TÓM TẮT

ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
TÀI SẢN		
Tiền mặt	579.345	757.147
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	996.258	6.802.645
Tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng ("TCTD") khác	28.367.461	17.776.242
Tiền gửi tại các TCTD khác	24.795.071	9.627.855
Cho vay các TCTD khác	3.572.390	8.148.387
Chứng khoán kinh doanh	2.001.253	-
Chứng khoán kinh doanh	2.001.459	-
Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh	(206)	-
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	49.812
Cho vay khách hàng	62.588.033	56.070.111
Cho vay khách hàng	63.293.151	56.802.965
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(705.118)	(732.854)
Hoạt động mua nợ	152.085	151.756
Mua nợ	153.234	153.234
Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ	(1.149)	(1.478)
Chứng khoán đầu tư	16.676.923	16.463.267
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	15.003.710	15.001.050
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	1.970.387	1.867.538
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	(297.174)	(405.321)
Góp vốn, đầu tư dài hạn	426.324	528.791
Đầu tư vào công ty con	260.000	260.000
Đầu tư dài hạn khác	182.978	268.791
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(16.654)	-
Tài sản cố định	955.727	950.242
Tài sản cố định hữu hình	578.998	574.358
Nguyên giá tài sản cố định	1.139.587	1.077.272
Khấu hao tài sản cố định	(560.589)	(502.914)
Tài sản cố định vô hình	376.729	375.884
Nguyên giá tài sản cố định	624.943	595.196
Hao mòn tài sản cố định	(248.214)	(219.312)
Tài sản Có khác	3.524.033	2.936.800
Các khoản phải thu	1.795.895	1.093.907
Các khoản lãi, phí phải thu	772.150	851.290
Tài sản Có khác	1.112.231	1.119.051
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	(156.243)	(127.448)
TỔNG TÀI SẢN	116.267.442	102.486.813

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG TÓM TẮT

ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
NỢ PHẢI TRẢ		
Tiền gửi và vay các TCTD khác	26.502.701	16.734.947
Tiền gửi của các TCTD khác	22.904.484	8.465.970
Vay các TCTD khác	3.598.217	8.268.977
Tiền gửi của khách hàng	72.522.120	69.595.380
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	74.781	-
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	937.752	1.161.950
Phát hành giấy tờ có giá	5.605.930	5.191.040
Các khoản nợ khác	1.813.315	2.035.850
Các khoản lãi, phí phải trả	1.394.148	1.546.071
Các khoản phải trả và công nợ khác	419.167	489.779
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	107.456.599	94.719.167
VỐN CHỦ SỞ HỮU		
Vốn	5.713.114	5.713.114
Vốn điều lệ	5.713.114	5.713.114
Các quỹ dự trữ	766.850	603.103
Lợi nhuận chưa phân phối	2.330.879	1.451.429
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	8.810.843	7.767.646
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	116.267.442	102.486.813

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG TÓM TẮT

ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Cam kết giao dịch hối đoái	153.781.044	98.781.375
- Cam kết mua ngoại tệ	20.428.496	5.589.815
- Cam kết bán ngoại tệ	20.403.616	5.593.406
- Cam kết giao dịch hoán đổi	112.948.932	87.598.154
Cam kết cho vay không hủy ngang	34.501	32.771
Cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng	745.452	546.353
Bảo lãnh khác	4.525.446	4.342.411
Các cam kết khác	2.464.767	2.553.650
	161.551.210	106.256.560

Người lập



Ông Nguyễn Công Anh
Trưởng phòng
Kế toán tổng hợp

Người kiểm soát



Ông Bùi Quốc Việt
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt




Ông Lê Hải
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG TÓM TẮT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	6.647.934	6.492.320
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(4.303.385)	(4.054.971)
Thu nhập lãi thuần	2.344.549	2.437.349
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	350.963	323.194
Chi phí hoạt động dịch vụ	(142.279)	(124.760)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	208.684	198.434
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	302.089	195.817
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	1.553	-
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	757.624	574.051
Thu nhập từ hoạt động khác	188.568	315.401
Chi phí hoạt động khác	(44.650)	(124.975)
Lãi thuần từ hoạt động khác	143.918	190.426
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	16.232	22.227
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG	3.774.649	3.618.304
Chi phí cho nhân viên	(919.149)	(870.427)
Chi phí khấu hao	(90.841)	(86.195)
Chi phí hoạt động khác	(882.954)	(938.707)
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	(1.892.944)	(1.895.329)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	1.881.705	1.722.975
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(513.380)	(493.975)
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	1.368.325	1.229.000
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(276.680)	(260.045)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	(276.680)	(260.045)
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	1.091.645	968.955

Người lập

Ông Nguyễn Công Anh
Trưởng phòng
Kế toán tổng hợp

Người kiểm soát

Ông Bùi Quốc Việt
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt

Ông Lê Hải
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG TÓM TẮT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	6.724.084	6.674.871
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(4.412.759)	(3.650.645)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	208.684	235.514
Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, vàng bạc, ngoại tệ	999.575	775.824
Thu nhập khác	65.210	116.343
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro	119.364	34.847
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(1.762.939)	(1.829.836)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm	(318.285)	(228.438)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và nợ phải trả hoạt động	1.622.934	2.128.480
Những thay đổi về tài sản hoạt động		
Tăng các khoản cho vay các TCTD khác	(333.875)	(2.378.515)
(Tăng)/giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán	(2.106.968)	5.405.114
Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	49.812	58.039
Tăng các khoản cho vay khách hàng	(6.490.186)	(4.491.536)
Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản (tín dụng, chứng khoán, đầu tư dài hạn)	(627.552)	(1.130.635)
(Tăng)/giảm khác về tài sản hoạt động	(744.063)	413.848
Những thay đổi về nợ phải trả hoạt động		
Giảm các khoản nợ NHNN Việt Nam	-	(6.753.044)
Tăng các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD	9.767.754	7.390.970
Tăng tiền gửi của khách hàng	2.926.740	7.048.081
Tăng các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	74.781	-
Tăng phát hành giấy tờ có giá	414.890	3.248.002
(Giảm)/tăng vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	(224.198)	9.960
Giảm khác về nợ phải trả hoạt động	(77.453)	(168.041)
Tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	4.252.616	10.780.723
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
Mua sắm tài sản cố định	(91.710)	(121.258)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.047	125.233
Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	70.980	-
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	40.222	22.227
Tiền thuần từ hoạt động đầu tư	20.539	26.202

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG TÓM TẮT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính	-	-
Tiền thuần trong năm	4.273.155	10.806.925
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	22.097.519	11.290.594
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	26.370.674	22.097.519

Người lập



Ông Nguyễn Công Anh
Trưởng phòng
Kế toán tổng hợp

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2021

Người kiểm soát



Ông Bùi Quốc Việt
Kế toán Trưởng



Người phê duyệt



Ông Lê Hải
Tổng Giám đốc

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN AN BÌNH

Báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	102 - 103
Báo cáo kiểm toán độc lập về báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt	104 - 105
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tóm tắt	106 - 108
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tóm tắt	109
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất tóm tắt	110 - 111

THÔNG TIN CHUNG

NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình (“Ngân hàng”) là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động Ngân hàng số 120/GP-NHNN ngày 12 tháng 12 năm 2018 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”) cấp đổi từ Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 0031/NH-GP đã cấp ngày 15 tháng 4 năm 1993, theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0301412222 ngày 17 tháng 5 năm 1993 và các giấy phép điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh ban hành. Thời gian hoạt động của Ngân hàng là 99 năm kể từ ngày 15 tháng 4 năm 1993.

Ngân hàng được thành lập nhằm thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm:

- » Hoạt động trung gian tiền tệ bao gồm: huy động vốn như nhận gửi tiền không kỳ hạn, có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm, phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn trong nước và nước ngoài; vay vốn ngắn hạn của NHNN dưới hình thức tái cấp vốn; vay vốn của các tổ chức tín dụng và công ty tài chính; ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động của ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của NHNN;
- » Hoạt động cho vay ngắn hạn, trung và dài hạn, cho thuê tài chính, bảo lãnh ngân hàng;
- » Hoạt động dịch vụ tài chính khác: cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước, quốc tế và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép; các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế;
- » Hoạt động cấp tín dụng khác: phát hành thẻ tín dụng; chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác; góp vốn, mua cổ phần; và
- » Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính: tư vấn ngân hàng, tài chính; mua bán trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp; kinh doanh vàng; tham gia đấu thầu tín phiếu kho bạc; mua, bán công cụ chuyển nhượng, tín phiếu kho bạc, tín phiếu NHNN và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ.

Các hoạt động chính của các công ty con bao gồm:

- » Tiếp nhận, quản lý các khoản nợ xấu, nợ tổn đọng và tài sản bảo đảm nợ vay liên quan đến các khoản nợ của Ngân hàng để xử lý, thu hồi vốn nhanh nhất;
- » Thực hiện mua bán nợ tổn đọng của các tổ chức tín dụng, của các công ty quản lý nợ và khai thác tài sản theo quy định của pháp luật;
- » Các dịch vụ ủy thác và giám sát trên cơ sở phí và hợp đồng, trung gian dàn xếp mua bán nợ;
- » Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; và
- » Kinh doanh dịch vụ bảo vệ.

Ngân hàng có trụ sở chính tại Tầng 1,2,3 Tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, Hà Nội. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, Ngân hàng có một (1) Hội sở, ba mươi lăm (35) chi nhánh, một trăm ba mươi (130) phòng giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Đào Mạnh Kháng	Chủ tịch	Ngày 25 tháng 4 năm 2018
Ông Vũ Văn Tiến	Phó Chủ tịch	Ngày 25 tháng 4 năm 2018
Ông Lưu Văn Sáu	Thành viên độc lập	Ngày 25 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Danh Lương	Thành viên độc lập	Ngày 25 tháng 4 năm 2018
Ông Soon Su Long	Thành viên	Ngày 25 tháng 4 năm 2018
Bà Iris Fang	Thành viên	Ngày 25 tháng 4 năm 2018
Ông Jason Lim Tsu Yang	Thành viên	Ngày 12 tháng 6 năm 2020

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Hạnh Tâm	Trưởng ban	Ngày 25 tháng 4 năm 2018
Bà Phạm Thị Hằng	Thành viên chuyên trách	Ngày 25 tháng 4 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Thanh Thái	Thành viên bán chuyên trách	Ngày 25 tháng 4 năm 2018

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Lê Hải	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 9 năm 2020
	Quyển Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2020
Ông Phạm Duy Hiếu	Quyển Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2020
Ông Nguyễn Mạnh Quân	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2018
Ông Đỗ Lam Điền	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 9 tháng 8 năm 2020
Bà Phạm Thị Hiền	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 1 năm 2019
Bà Nguyễn Thị Hương	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 1 năm 2019
Ông Lại Tất Hà	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 10 năm 2019
Ông Lê Mạnh Hùng	Giám đốc khối Khách hàng Doanh nghiệp, thành viên Ban điều hành	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 1 năm 2019
Ông Trần Việt Thắng	Giám đốc Khối Công nghệ Ngân hàng, thành viên Ban điều hành	Tái bổ nhiệm ngày 3 tháng 3 năm 2021
Ông Nguyễn Hồng Quang	Giám đốc khối SME, thành viên Ban điều hành	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Thùy Dương	Giám đốc khối Quản trị nguồn Nhân lực	Miễn nhiệm ngày 2 tháng 12 năm 2020
		Bổ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2020
Bà Nguyễn Diệp Anh	Giám đốc Ban Tài chính	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2020
Ông Bùi Quốc Việt	Kế toán Trưởng	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2020

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo này là ông Đào Mạnh Kháng, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Lê Hải - Tổng Giám đốc được ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 theo Giấy Ủy quyền số 18/UQ-HĐQT.20 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị ngày 1 tháng 4 năm 2020.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Ngân hàng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TÓM TẮT

Số tham chiếu: 60752689/22075263-HN-BCTT

KÍNH GỬI: CÁC CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN AN BÌNH

Báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt kèm theo, được lập ngày 25 tháng 3 năm 2021 và được trình bày từ trang 106 đến trang 111, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tóm tắt tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tóm tắt, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất tóm tắt cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được trích từ báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình ("Ngân hàng") và các công ty con. Chúng tôi đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất này tại báo cáo kiểm toán lập ngày 29 tháng 3 năm 2021. Báo cáo tài chính hợp nhất này và báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt không phản ánh ảnh hưởng của các sự kiện phát sinh sau ngày lập báo cáo kiểm toán nói trên.

Báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt không bao gồm tất cả các thuyết minh cần phải công bố theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, việc đọc báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt không thể thay thế cho việc đọc báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tóm tắt tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tóm tắt và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất tóm tắt cho năm tài chính kết thúc cùng ngày cho mục đích công khai báo cáo tài chính theo quy định tại Khoản 11, Điều 1, Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 sửa đổi bổ sung một số điều khoản của chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 và hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt dựa trên các thủ tục mà chúng tôi đã thực hiện theo quy định và hướng dẫn của Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 810 - "Dịch vụ báo cáo về báo cáo tài chính tóm tắt".

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt, được trích từ báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Ngân hàng và các công ty con đã được kiểm toán, đã phản ánh nhất quán, trên các khía cạnh trọng yếu, với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán và phù hợp với các quy định tại Khoản 11, Điều 1, Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 sửa đổi bổ sung một số điều khoản của chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 và hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Nguyễn Phương Nga
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0763-2019-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2021

Vũ Tiến Dũng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3221-2020-004-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT TÓM TẮT

ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
TÀI SẢN		
Tiền mặt	579.345	757.147
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	996.258	6.802.645
Tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng ("TCTD") khác	28.459.280	17.854.550
Tiền gửi tại các TCTD khác	24.886.890	9.706.163
Cho vay các TCTD khác	3.572.390	8.148.387
Chứng khoán kinh doanh	2.001.253	-
Chứng khoán kinh doanh	2.001.459	-
Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh	(206)	-
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	49.812
Cho vay khách hàng	62.588.033	56.070.111
Cho vay khách hàng	63.293.151	56.802.965
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(705.118)	(732.854)
Hoạt động mua nợ	152.085	151.756
Mua nợ	153.234	153.234
Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ	(1.149)	(1.478)
Chứng khoán đầu tư	16.685.823	16.472.167
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	15.012.610	15.009.950
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	1.970.387	1.867.538
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	(297.174)	(405.321)
Góp vốn, đầu tư dài hạn	166.324	268.791
Đầu tư dài hạn khác	182.978	268.791
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(16.654)	-
Tài sản cố định	955.727	950.242
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	<i>578.998</i>	<i>574.358</i>
Nguyên giá tài sản cố định	1.140.762	1.078.447
Khấu hao tài sản cố định	(561.764)	(504.089)
<i>Tài sản cố định vô hình</i>	<i>376.729</i>	<i>375.884</i>
Nguyên giá tài sản cố định	624.943	595.196
Hao mòn tài sản cố định	(248.214)	(219.312)
Bất động sản đầu tư	69.980	71.227
Nguyên giá bất động sản đầu tư	74.030	74.030
Hao mòn bất động sản đầu tư	(4.050)	(2.803)
Tài sản Có khác	3.712.873	3.108.476
Các khoản phải thu	1.747.900	1.038.953
Các khoản lãi, phí phải thu	776.959	855.728
Tài sản Có khác	1.392.708	1.389.566
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	(204.694)	(175.771)
TỔNG TÀI SẢN	116.366.981	102.556.924

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT TÓM TẮT

ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
NỢ PHẢI TRẢ		
Tiền gửi và vay các TCTD khác	26.502.701	16.734.947
Tiền gửi của các TCTD khác	22.904.484	8.465.970
Vay các TCTD khác	3.598.217	8.268.977
Tiền gửi của khách hàng	72.508.223	69.574.328
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	74.781	-
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	937.752	1.161.950
Phát hành giấy tờ có giá	5.605.930	5.191.040
Các khoản nợ khác	1.826.245	2.051.880
Các khoản lãi, phí phải trả	1.394.142	1.545.671
Các khoản phải trả và công nợ khác	432.103	506.209
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	107.455.632	94.714.145
VỐN CHỦ SỞ HỮU		
Vốn	5.714.108	5.714.108
Vốn điều lệ	5.713.114	5.713.114
Vốn đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định	994	994
Các quỹ dự trữ	811.219	639.633
Lợi nhuận chưa phân phối	2.386.022	1.489.038
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	8.911.349	7.842.779
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	116.366.981	102.556.924

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT TÓM TẮT

ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Cam kết giao dịch hối đoái	153.781.044	98.781.375
- Cam kết mua ngoại tệ	20.428.496	5.589.815
- Cam kết bán ngoại tệ	20.403.616	5.593.406
- Cam kết giao dịch hoán đổi	112.948.932	87.598.154
Cam kết cho vay không hủy ngang	34.501	32.771
Cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng	745.452	546.353
Bảo lãnh khác	4.525.446	4.342.411
Các cam kết khác	2.464.767	2.553.650
	161.551.210	106.256.560

Người lập

Người kiểm soát

Người phê duyệt

Ông Nguyễn Công Anh
Trưởng phòng
Kế toán tổng hợpÔng Bùi Quốc Việt
Kế toán TrưởngÔng Lê Hải
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT TÓM TẮT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	6.684.626	6.525.900
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(4.303.080)	(4.047.648)
Thu nhập lãi thuần	2.381.546	2.478.252
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	383.392	355.078
Chi phí hoạt động dịch vụ	(189.565)	(161.614)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	193.827	193.464
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	302.089	195.817
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	6.504	-
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	757.624	578.778
Thu nhập từ hoạt động khác	188.571	315.401
Chi phí hoạt động khác	(44.650)	(125.000)
Lãi thuần từ hoạt động khác	143.921	190.401
(Lỗ)/thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	(10.611)	2.227
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG	3.774.900	3.638.939
Chi phí cho nhân viên	(928.879)	(877.938)
Chi phí khấu hao	(92.088)	(87.441)
Chi phí hoạt động khác	(837.356)	(905.601)
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	(1.858.323)	(1.870.980)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	1.916.577	1.767.959
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(513.380)	(493.975)
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	1.403.197	1.273.984
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(285.540)	(273.309)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	(285.540)	(273.309)
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	1.117.657	1.000.675
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	1.956	1.665

Người lập

Người kiểm soát

Người phê duyệt

Ông Nguyễn Công Anh
Trưởng phòng
Kế toán tổng hợpÔng Bùi Quốc Việt
Kế toán TrưởngÔng Lê Hải
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT TÓM TẮT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	6.760.405	6.708.451
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(4.412.060)	(3.643.322)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	193.827	230.544
Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, vàng bạc, ngoại tệ	1.004.526	780.551
Thu nhập khác	65.213	116.318
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro	119.364	34.847
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(1.726.035)	(1.804.241)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm	(328.515)	(239.297)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và nợ phải trả hoạt động	1.676.725	2.183.851
Những thay đổi về tài sản hoạt động		
Tăng các khoản tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	(347.375)	(2.436.815)
(Tăng)/giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán	(2.106.968)	5.396.214
Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	49.812	58.039
Tăng các khoản cho vay khách hàng	(6.490.186)	(4.491.536)
Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản (tín dụng, chứng khoán, đầu tư dài hạn)	(627.552)	(1.130.635)
(Tăng)/giảm khác về tài sản hoạt động	(752.734)	170.244
Những thay đổi về nợ phải trả hoạt động		
Giảm các khoản nợ NHNN Việt Nam	-	(6.753.044)
Tăng các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD	9.767.754	7.390.970
Tăng tiền gửi của khách hàng	2.933.895	7.314.444
Tăng các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	74.781	-
Tăng phát hành giấy tờ có giá	414.890	3.248.002
(Giảm)/tăng vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	(224.198)	9.960
Giảm khác về nợ phải trả hoạt động	(80.217)	(158.942)
Chi từ các quỹ của TCTD	-	(30)
Tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	4.288.627	10.800.722
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
Mua sắm tài sản cố định	(91.710)	(121.258)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.047	125.233
Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	85.813	-
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	(10.611)	2.227
Tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư	(15.461)	6.202

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT TÓM TẮT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính	-	-
Tiền thuần trong năm	4.273.166	10.806.924
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	22.097.527	11.290.603
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	26.370.693	22.097.527

Người lập



Ông Nguyễn Công Anh
Trưởng phòng
Kế toán tổng hợp

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2021

Người kiểm soát



Ông Bùi Quốc Việt
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt



Ông Lê Hải
Tổng Giám đốc